TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 311/2024/DS-PT
Ngày: 30/12/2024
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Hà
***Các Thẩm phán*:** Ông Lâm Triệu Hữu
Ông Đặng Văn Lộc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 11 năm 2024, ngày 05 và ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2024/TLPT-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 296/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Ngọc R** - Sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh T** – Sinh năm 1969; địa chỉ: A N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/10/2024 – Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị Kiều N** - Sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà **Lê Thị M** – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Anh T1 – Chi nhánh V, thuộc Đ tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Những người làm chứng:*

1/ Bà **Dương Thị H** – Sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt);

2/ Bà **Lê Thị N1** – Sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt);

3/ Bà **Dương Thị L** – Sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt);

4/ Ông **Nguyễn Văn T2** – Sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt);

5/ Bà **Nguyễn Thị N2** – Sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt);

6/ Bà **Nguyễn Thị Hồng T3** – Sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Bà **Phạm Thị Kiều N** – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2023 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, nguyên đơn* Nguyễn Thị Ngọc R *trình bày*:

Năm 2017, bà Phạm Thị Kiều N có tham gia 01 dây hụi tháng do bà Nguyễn Thị Ngọc R làm chủ hụi. Bà Phạm Thị Kiều N tham gia 02 phần hụi và lấy tên thường gọi trong danh sách hụi (N G). Bà N hốt hết 02 phần hụi và không góp hụi chết cho bà R nên bà R phải góp hụi thay bà N cho các hụi viên. Các dây hụi mà bà N tham gia đã mãn hụi. Bà N tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

- *Phần hụi thứ nhất:* Hụi tháng 5.000.000đ, khui hụi ngày 06/07/2017 âm lịch (nhằm ngày 27/8/2017 dương lịch), một tháng khui hụi một lần gồm có 19 phần, bà N tham gia 01 phần; đến lần khui hụi thứ 05 bà N hốt hụi kêu 1.600.000đ, hụi viên góp 3.400.000đ, bà N nhận được số tiền hốt hụi là 64.200.000 đồng sau khi trừ 2.500.000 đồng tiền hoa hồng cho chủ hụi. Bà R đã giao đủ cho bà N số tiền 61.700.000đ. Sau đó, bà N góp hụi chết đến lần thứ 10 lần thì ngưng, ở dây hụi này bà R đã góp hụi chết thay cho bà N 09 lần với số tiền 5.000.000đ x 09 lần = 45.000.000đ.

- *Phần hụi thứ hai:* Hụi tháng 5.000.000đ, khui hụi ngày 06/07/2017 âm lịch (nhằm ngày 27/8/2017 dương lịch), một tháng khui hụi một lần gồm có 19 phần, bà N tham gia 01 phần, đến lần khui hụi thứ 07 bà N hốt hụi kêu 1.500.000đ, hụi viên đóng 3.500.000đ, bà N hốt hụi được 67.000.000đ sau khi trừ 2.500.000đ tiền hoa hồng cho chủ hụi. Bà R đã giao đủ cho bà N số tiền 64.500.000đ. Sau đó, bà N góp hụi chết đến lần thứ 10 thì ngưng không, bà R đã góp hụi chết thay cho bà N 09 lần với số tiền 5.000.000đ x 09 lần = 45.000.000đ.

Tổng cộng, 02 phần hụi trên bà R đã góp hụi chết thay cho bà N tổng số tiền 90.000.000đ. Bà R đã nhiều lần yêu cầu bà N trả cho bà R số tiền hụi còn nợ là 90.000.000đ nhưng bà N cố tình tránh né và không thực hiện việc trả tiền hụi cho bà R.

Do đó, bà R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền đã góp hụi thay là 90.000.000đ. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

* *Tại bản khai ngày 01/7/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn* Phạm Thị Kiều N *trình bày:*

Năm 2017, ông Trần Văn Đ là người thuê nhà của bà N, đã lợi dụng sự quen biết của bà N để tham gia chơi hụi của bà R. Bà N xác định dây hụi ngày 06/7/2017 là do ông Đ tham gia, ông Đ có nhờ bà N đi khui hụi thay cho ông Đ

một lần là lần khui hụi thứ 5, kêu hụi 1.600.000đ; ông Đ được lĩnh hụi; việc giao nhận tiền hụi giữa bà R và ông Đ thì bà N không biết.

Sau một thời gian, ông Đ không đóng hụi cho bà R; bà R đến nhà bà N nhiều lần mà không gặp ông Đ; bà R có đi xuống địa chỉ nhà ông Đ cũng không gặp ông Đ. Hiện nay, bà N và ông Đ không còn liên hệ gì với nhau; bà N không biết địa chỉ cụ thể của ông Đ.

Bà N cho rằng trước đây bà có chơi dây hụi 1.000.000đ, đã mãn; bà N không còn nợ tiền hụi bà R. Bà R lợi dụng chứng từ cũ để kiện bà N vì không tìm được ông Đ, bà R nghĩ ông Đ là chồng của bà N.

Bà N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà R.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 02/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 16, Điều 17; Điều 18; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc R.

Buộc bà Phạm Thị Kiều N *phải có nghĩa vụ trả cho bà* Nguyễn Thị Ngọc R *số tiền góp hụi còn nợ là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 13/7/2024, bị đơn Phạm Thị Kiều N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và đình chỉ giải quyết vụ án.

Lý do kháng cáo:

+ Nguyên đơn khởi kiện đã quá thời hiệu khởi kiện (gần 05 năm);

+ Việc xem xét, đánh giá chứng cứ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được khách quan dẫn đến sự thật khách quan không được xem xét trong vụ án như: Việc các hụi viên tham gia hoặc những người biết việc bà R góp hụi thay cho bà có làm xác nhận gửi Tòa án là hoàn toàn vô lý, không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án này do việc đó chỉ có bà hoặc bà R mới có khả năng xác nhận; nghĩa vụ chứng minh đối với ông Trần Văn Đ là nghĩa vụ của bà R chứ không phải của bà vì ông Đ và bà R tự giao nhận tiền với nhau.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Kiều N thay đổi một phần kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc R vì bà N không có tham gia hụi do bà R làm chủ mà người tham gia hụi là ông Trần Văn Đ; ông Đ là người thuê nhà của bà N, không phải là chồng bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R do bà N không có tham gia hụi mà ông Đ mới là người tham gia hụi; bà R không có lập sổ hụi theo quy định tại Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; bà R không có chứng cứ chứng minh được việc tham gia hụi và giao tiền hụi giữa bà R và bà N. Bản án sơ thẩm không áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường để giải quyết tranh chấp đối với dây hụi xác lập năm 2017 là không đúng.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc R trình bày bà R thống nhất với Bản án sơ thẩm, không đồng ý với kháng cáo của bà N. Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc R xác định bà N là người trực tiếp tham gia hụi và nợ tiền hụi bà R số tiền 90.000.000đ, việc này có nhiều người tham gia chơi hụi làm chứng; xác định ông Đ là người sống chung như vợ, chồng với bà N, ông Đ không có tham gia hụi như bà N trình bày; ông Đ đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập nhưng không đến Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà R xác định bà R chỉ yêu cầu bà N trả cho bà R ½ số tiền nợ hụi bằng 45.000.000đ và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà N về số tiền 45.000.000đ còn lại; bà N có ý kiến không đồng ý trả cho bà R số tiền 45.000.000đ theo yêu cầu của bà R.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Kiều N, sửa Bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc R. Buộc bà Phạm Thị Kiều N trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc R số tiền 45.000.000đ. Bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Kiều N yêu cầu Tòa án triệu tập ông Trần Văn Đ tham gia tố tụng vì ông Đ là người tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Ngọc R làm chủ chứ

không phải bà N; bà R thì khẳng định ông Đ không có tham gia hụi. Tòa án cấp phúc thẩm đã nhiều lần triệu tập ông Đ theo yêu cầu của bà N theo địa chỉ mà bà N cung cấp cho Tòa án nhưng không triệu tập được. Bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Đ là người tham gia hụi. Những người làm chứng là những người tham gia hụi do bà R làm chủ cũng xác định ông Đ không có tham gia hụi như bà N trình bày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phạm Thị Kiều N thay đổi kháng cáo, không yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm mà yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R. Xét thấy, việc thay đổi kháng cáo này không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo của bà N.

[3] Đối với kháng cáo của bà Phan Thị Kiều N3, xét thấy:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc R khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Kiều N trả cho bà R số tiền nợ hụi là 90.000.000đ do bà N tham gia hai phần hụi của dây hụi 5.000.000đ, mở ngày 06/07/2017 âm lịch (nhằm ngày 27/8/2017 dương lịch), do bà R làm chủ; bà N đã lĩnh hụi nhưng góp hụi đến lần thứ 10 thì ngưng nên bà R phải góp hụi thay cho bà N mỗi dây hụi là 45.000.000đ (5.000.000đ x 9 lần), tổng cộng bà R góp thay bà N hai dây hụi là 90.000.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện này của bà R, bà N đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thông báo thụ lý vụ án nhưng bà không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến phản đối và không đến Tòa án theo văn bản triệu tập. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà R, bà N cho rằng ông Trần Văn Đ là người tham gia hụi chứ không phải bà; tuy nhiên, bà N không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho sự phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cho rằng bà không có tham gia hụi và không có nợ tiền hụi của bà R và vẫn xác định người tham gia hụi và nợ tiền hụi của bà R là ông Đ nhưng bà cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận bà có đi khui hụi giùm ông Đ nhưng trong danh sách hụi bà R ghi tên bà N; bà N xác nhận tên "Nhi 6 Gạo" trong danh sách hụi mà bà R cung cấp cho Tòa án chính là tên của bà N. Bà N cũng thừa nhận bà có tham gia hụi do bà R làm chủ nhưng không phải dây hụi mà bà R khởi kiện mà là dây hụi khác đã kết thúc, bà không còn nợ bà R; tuy nhiên, lời trình bày này của bà N lại mâu thuẫn với chính lời trình bày của bà tại Biên bản đối chất ngày 25/12/2024 vì tại Biên bản đối chất này bà N xác định bà không có tham gia hụi do bà R làm chủ nên không biết cách thức chơi hụi, giao nhận tiền hụi giữa bà R và các hụi viên.

[3.3] Bà R (do ông Nguyễn Minh T đại diện) khẳng định bà N là người trực tiếp tham gia hai phần hụi của dây hụi mở ngày 06/7/2017 âm lịch (nhằm ngày

27/8/2017 dương lịch) do bà R làm chủ hụi và khẳng định ông Đ không có tham gia hụi như bà N trình bày. Lời trình bày của bà R hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng là bà Dương Thị H, bà Lê Thị N1, bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị N2 và bà Nguyễn Thị Hồng T3 tại các văn bản xác nhận ngày 08/11/2024 và ngày 26/12/2024 và Biên bản đối chất ngày 25/12/2024. Do đó, có cơ sở xác định bà N chính là người đã trực tiếp tham gia hụi do bà R làm chủ.

[3.4] Về số tiền nợ hụi, tại bản khai ngày 01/7/2024 của bà N, bà N cho rằng việc tham gia hụi là do ông Đ tham gia, và tại bản khai này bà N đã thừa nhận việc nợ hụi đối với bà R nhưng bà cho rằng người nợ là ông Đ. Mặc dù bà R không cung cấp được biên nhận giao nhận tiền hụi nhưng những người làm chứng đã xác định bà N đã lĩnh hụi, ngưng đóng tiền hụi và còn nợ tiền hụi bà R như bà R trình bày. Vì vậy, Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà N có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho bà R là có căn cứ.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà R xác định bà R rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà N; bà R chỉ yêu cầu bà N trả 45.000.000đ (½ số tiền 90.000.000đ). Bà N có ý kiến không đồng ý trả cho bà R số tiền 45.000.000đ và không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà R. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với số tiền 45.000.000đ mà bà R đã rút và xác định số tiền mà bà N có nghĩa vụ trả cho bà R trong vụ án này là 45.000.000đ.

[3.6] Xét thấy, dây hụi mà các đương sự tranh chấp được xác lập năm 2017 và đã kết thúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường để giải quyết vụ án.

[3.7] Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của N, chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N về căn cứ pháp luật; thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần Bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[4] Về án phí:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Bà Phạm Thị Kiều N chịu 2.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà R số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đ mà bà đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy và đình chỉ một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đối với một

phần yêu cầu khởi kiện mà bà Nguyễn Thị Ngọc R đã rút là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Kiều N.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 28 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc R.

Buộc bà Phạm Thị Kiều N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc R số tiền nợ hụi là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà R 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0008716 ngày 12/01/2024.

Bà Phạm Thị Kiều N chịu 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Bà Phạm Thị Kiều N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0009267 ngày 15/7/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP . HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Hồng Hà